

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt “Quy hoạch phát triển sự nghiệp Thể dục thể thao
tỉnh Lai Châu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008;

Xét đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển sự nghiệp Thể dục thể thao tỉnh Lai Châu đến năm 2020, định hướng đến 2030” với các nội dung chính như sau:

1. Quan điểm

1.1. Phát triển TDTT tỉnh Lai Châu mang tính dân tộc, khoa học và nhân dân; góp phần nâng cao sức khoẻ, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân; phát huy truyền thống của tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống.

1.2. Phát triển TDTT là một bộ phận quan trọng trong phát triển ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng như phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người.

1.3. Phát triển TDTT tỉnh Lai Châu toàn diện về TDTT trong nhà trường; TDTT quần chúng, làm nền tảng cho thể thao thành tích cao.

1.4. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động TDTT dưới sự quản lý thống nhất của nhà nước, từng bước đưa TDTT thành một loại hình dịch vụ, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

2. Mục tiêu Quy hoạch

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển phong trào TDTT cho mọi người với mạng lưới rộng khắp, chú trọng những vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và TDTT trong nhà trường. Đầu tư, xây dựng Trung tâm thể thao tỉnh, Trung tâm thể thao các huyện, thị xã để phục vụ nhu cầu tập luyện và thi đấu thể thao.

Khai thác, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian. Xây dựng hệ thống đào tạo VĐV thể thao thành tích cao từ cơ sở đến cấp tỉnh. Xác định 3-5 môn thể thao trọng điểm, đồng thời bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao. Phấn đấu đưa thể thao của Lai Châu đứng ở thứ hạng trung bình khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc và thoát khỏi tốp cuối tại các Đại hội thể thao toàn quốc.

Huy động các nguồn lực tham gia phát triển TDTT. Có chính sách cụ thể phát triển xã hội hoá trên cơ sở khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức, đoàn thể nhân dân tham gia thực hiện. Tăng cường giao lưu thể thao trong nước và quốc tế, góp phần giới thiệu hình ảnh của Lai Châu với bạn bè, thu hút du khách du lịch đến Lai Châu.

2.2. Các chỉ tiêu cụ thể.

2.2.1. Thể dục thể thao cho mọi người.

a. Phong trào thể dục, thể thao trong trường học:

- Đến năm 2015 và các giai đoạn tiếp theo, số trường phổ thông thực hiện chương trình giáo dục thể chất nội khoá đạt 100%;

- Đến năm 2015 số trường phổ thông tổ chức hoạt động TDTT ngoại khoá 2 lần/tuần đạt 40-45%; Giai đoạn 2016 - 2020 đạt 45-60%; Giai đoạn 2021-2030 đạt 60-70%;

- Đến năm 2015 số học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định đạt 75%; Giai đoạn 2016-2020 đạt 85-90% ở các cấp trường học; Giai đoạn 2021-2030 đạt 90-100%;

- Đến năm 2015 và các giai đoạn tiếp theo số giáo viên chuyên trách TDTT các cấp đạt 100%.

b. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng:

- Đến năm 2015 số người tập luyện TDTT thường xuyên đạt 24-25% dân số; Giai đoạn 2016-2020 đạt 25-27%; Giai đoạn 2021-2030 đạt 27-30%;

- Đến năm 2015 số gia đình thể thao đạt 14-15%; Giai đoạn 2016- 2020 đạt 15-17%; Giai đoạn 2021-2030 đạt 17-20%;

- Đến năm 2015 số CLB, tụ điểm, nhóm tập luyện TDTT cơ sở đạt 550; Giai đoạn 2016- 2020 đạt 550-650; Giai đoạn 2021-2030 đạt 650-900;

- Đến năm 2015 cấp xã có cán bộ hướng dẫn viên, cộng tác viên được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ về TDTT đạt 80%, giai đoạn 2016-2020 đạt 100%; Đến năm 2015 có hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT thôn, bản được tập huấn nghiệp vụ ở các lớp cấp tỉnh đạt 50%, giai đoạn 2016-2020 đạt 70-80%, giai đoạn 2021-2030 đạt 100%.

2.2.2. Thể thao thành tích cao.

- Giai đoạn 2014- 2020 phần đầu đưa TDTT Lai Châu ở thứ hạng trung bình khá ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Phần đầu có huy chương tại các kỳ đại hội Đại hội TDTT toàn quốc.

- Đến năm 2015 số lượng huy chương giành được trong các cuộc thi đấu toàn quốc đạt 15-20 huy chương/năm; Giai đoạn 2016-2020 đạt 18-25 huy chương/năm; Giai đoạn 2021-2030 đạt 22-30 huy chương/năm.

2.2.3. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT các cấp.

- Giai đoạn 2016-2020 hoàn thiện Nhà thi đấu đa năng và các sân thi đấu, xây dựng trường Năng khiếu TDTT tỉnh (vào năm 2018)...; Giai đoạn 2021-2030 hoàn thành các hạng mục công trình thuộc dự án Trung tâm thể thao tỉnh, sân vận động tỉnh;

- Đến năm 2015 có 4/8 huyện, thị xã có sân vận động, 6/8 huyện, thị xã có nhà tập luyện; Giai đoạn 2016-2020 có 6/8 huyện có sân vận động, 8/8 huyện có nhà tập luyện, 1/8 huyện có bể bơi; Giai đoạn 2021-2030 có 8/8 huyện có sân vận động, 2/8 huyện có bể bơi;

● - Đến năm 2015 cấp xã có cơ sở vật chất TDTT theo quy định xây dựng nông thôn mới đạt 15% xã; Giai đoạn 2016- 2020 đạt 15-25% xã; Giai đoạn 2021-2030 đạt 25-50% xã;

- Đến năm 2015 cấp tiểu học có sân tập thể thao và khu vui chơi đạt 15% số trường, cấp trung học cơ sở có khu GDTC đạt 15-20%, cấp trung học phổ thông có khu

GDTC đạt 40%; Giai đoạn 2016-2020 cấp tiểu học đạt 15-30%, cấp trung học cơ sở đạt 20-30%, cấp trung học phổ thông đạt 50-60%; Giai đoạn 2021-2030 cấp tiểu học 30-50%, cấp trung học cơ sở đạt 30-45%, cấp trung học phổ thông đạt 60-80%.

3. Các nội dung Quy hoạch (có các bảng biểu kèm theo)

3.1. Nội dung quy hoạch phát triển TDTT cho mọi người.

- Phát triển thể dục, thể thao trong nhà trường: Giai đoạn 2016 - 2020 thành lập trường phổ thông năng khiếu TDTT tỉnh (vào năm 2018). Từ nay đến năm 2018, khi chưa thành lập trường, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tuyển chọn những học sinh năng khiếu vào trường nội trú để đào tạo và huấn luyện, đảm bảo có VĐV tham gia thi đấu tại các giải khu vực và toàn quốc;

- Phát triển thể dục thể thao quần chúng: TDTT đối với nhân dân nông thôn; TDTT đối với nhân dân thị xã; TDTT trong công chức, viên chức; TDTT trong doanh nghiệp; TDTT trong thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; TDTT đối với người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

- Phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang;

- Quy hoạch các môn thể thao gắn với văn hoá, du lịch - dịch vụ ở các huyện, thị xã mang tính đặc thù vùng.

3.2. Nội dung quy hoạch phát triển thể thao thành tích cao.

- Quy hoạch môn thể thao thành tích cao: Đến năm 2030 Lai Châu quy hoạch 16 môn thể thao thành tích cao vào ba nhóm: Nhóm các môn thể thao trọng điểm loại 1 (có huy chương), nhóm môn thể thao loại 2 (phần đầu có huy chương) và nhóm môn thể thao loại 3 (các môn thể thao định hướng phát triển):

Nhóm các môn thể thao trọng điểm loại 1 gồm 4 môn:

1. Điền kinh. 2. Cầu lông. 3. Đẩy gậy. 4. Bắn nỏ.

Nhóm các môn thể thao loại 2 gồm 6 môn:

1. Bóng chuyền. 3. Bóng bàn. 5. Cờ vua
2. Võ cổ truyền. 4. Bóng đá TNNĐ 6. Cờ tướng

Nhóm các môn thể thao loại 3 (nhóm môn thể thao khác) gồm 6 môn:

1. Quần vợt. 3. Boxing. 5. Cầu mây.
2. Taekwondo. 4. Vật. 6. Pencatsilat.

- Quy hoạch VĐV thể thao thành tích cao;

Năm	Nghiệp dư	Bán tập trung	Tập trung	Tuyển tỉnh	Đội dự tuyển QG
2015	300 - 400	60- 70	40 - 60	120 - 140	0
2020	500 - 700	80- 100	55 - 60	150 - 170	02
2025	800 - 1.000	120- 150	75 - 100	175 - 190	04
2030	1.100 - 1.500	200- 250	90 - 120	190 - 220	08

- Quy hoạch hệ thống đào tạo VĐV: Về cơ bản, thể chế quản lý hệ thống đào tạo VĐV thể thao thành tích cao của Lai Châu theo 4 tuyến: Tuyển nghiệp dư, tuyển bán tập trung, tuyển tập trung, tuyển đội tuyển;

- Quy hoạch các điều kiện đảm bảo cho thể thao thành tích cao: Thể thao thành tích cao là hoạt động tập luyện và thi đấu của VĐV, do vậy phải đảm bảo những điều kiện cần thiết để hoạt động tập luyện và thi đấu đạt thành tích tốt nhất, như: cơ sở vật chất, trang thiết bị, huấn luyện viên, nguồn kinh phí...;

- Quy hoạch hệ thống tổ chức thi đấu TDTT cấp tỉnh.

3.3. Quy hoạch về tổ chức và nhân sự TDTT:

- Kiện toàn bộ máy tổ chức các cấp: Cấp tỉnh thành lập Phòng Thể thao thành tích cao; Cấp huyện thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; Cấp xã là Trung tâm Văn hoá - Thể thao xã;

- Đảm bảo lực lượng cán bộ TDTT các cấp theo từng giai đoạn.

3.4. Quy hoạch đất và cơ sở vật chất kỹ thuật cho TDTT.

- Quy hoạch sử dụng đất TDTT đến năm 2030 khoảng 184.74 ha. Đảm bảo đến năm 2030 đạt 3m²/người dân. Cấp xã, cấp huyện dành quỹ đất xây dựng các công trình TDTT;

- Tăng cường đầu tư hoàn thiện và xây dựng mới các công trình thể dục thể thao trọng điểm của tỉnh theo hướng hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện và tổ chức thi đấu các giải thể thao của tỉnh, quốc gia: Trung tâm TDTT tỉnh, Sân vận động tỉnh, Trường Năng khiếu TDTT tỉnh;

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đổi mới phương pháp quản lý hoạt động, tăng cường tổ chức bộ máy cán bộ thể dục thể thao các cấp:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết phát triển thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tích cực cải tiến lề lối làm việc, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thể dục thể thao cấp tỉnh và cơ sở, tổ chức hoạt động, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư; hướng dẫn và vận động nhân dân tham gia hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở; gìn giữ, phát triển các môn thể thao truyền thống, các môn thể thao dân tộc. Tăng cường đổi mới công tác giám sát, kiểm tra ở các cấp.

4.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách và đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao:

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cơ sở thể thao; cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng các công trình thể dục thể thao đối với các huyện, thị xã và ở địa bàn dân cư;

- Có cơ chế cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao đi tập huấn những môn thể thao xác định trọng điểm của tỉnh tại một số Trung tâm thể thao lớn trong nước.

4.3. Giải pháp về vốn đầu tư: Tăng cường kinh phí hoạt động sự nghiệp TDTT và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ phát triển thể dục thể thao, trước hết là các công trình thể thao trọng điểm như: Nhà thi đấu đa năng tỉnh, sân vận động tỉnh. Ngân sách Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, công trình thể thao cấp tỉnh và hỗ trợ xây dựng các công trình thể thao ở khu dân cư.

4.4. Giải pháp về xã hội hoá Thể dục thể thao: Tiếp tục tăng mức đầu tư của Nhà nước cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao, đồng thời tăng nguồn thu ngoài ngân sách Nhà nước để đáp ứng nhu cầu thể dục thể thao ngày càng cao của nhân dân, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của tỉnh.

4.5. Giải pháp kiện toàn hệ thống đào tạo vận động viên và công tác tuyển chọn, huấn luyện, giáo dục vận động viên: Hoàn chỉnh các quy định, nội dung tuyển chọn năng khiếu thể thao; ban hành tiêu chuẩn về tuyển chọn năng khiếu ban đầu

cho từng môn thể thao. Kiện toàn quy trình huấn luyện, phương pháp huấn luyện và hồi phục thể lực, công tác giáo dục vận động viên.

4.6. Giải pháp về khoa học - công nghệ và hợp tác phát triển thể dục thể thao: Tăng cường hợp tác phát triển và đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ phát triển thể dục thể thao; tăng cường hợp tác với các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước, đặc biệt quan hệ hợp tác với trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, Trung tâm huấn luyện thể thao Quốc gia Hà Nội, Viện Khoa học Thể dục Thể thao... để phát triển thể dục thể thao.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của Quy hoạch.

- Tham mưu, đề xuất các chính sách liên quan đến phát triển sự nghiệp TDTT, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu về chuyên môn trong tuyển chọn, đào tạo lực lượng VĐV; chuẩn bị lực lượng VĐV tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc, Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII năm 2014; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị lực lượng VĐV tham gia thi đấu Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ IX - 2015.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển TDTT của tỉnh theo từng giai đoạn 2016-2020 và 2021- 2030.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xây dựng các mô hình tổ chức, thiết chế Văn hoá - Thể thao cơ sở, phối hợp tổ chức, lồng ghép các loại hình hoạt động văn hoá, du lịch và TDTT cơ sở...

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ xây dựng đề án thành lập Trường năng khiếu TDTT, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

5.2. Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học TDTT nội khóa, đẩy mạnh các hoạt động TDTT ngoại khóa cho học sinh; tăng cường chỉ đạo, nâng cao

chất lượng tổ chức Hội khỏe Phù Đổng ở các cấp và công tác chuẩn bị cho Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc.

- Tổ chức, chỉ đạo, thực hiện tốt các yêu cầu tuyển chọn, đào tạo đội ngũ VĐV các môn thể thao tham gia thi đấu các giải thể thao toàn quốc, Đại hội TDTT toàn quốc và đặc biệt là Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ IX.

- Tổ chức cho VĐV là học sinh học tập văn hoá, xây dựng và thực hiện chế độ ưu tiên đối với học sinh là VĐV thể thao của tỉnh về lao động và thực hiện các nhiệm vụ khác của trường. Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành lập các CLB năng khiếu thể thao, xây dựng đề án thành lập Trường Năng khiếu TDTT.

5.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phối hợp với các sở: Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Các dự án xây dựng đầu tư cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất và ngân sách thực hiện nhiệm vụ đào tạo, tập huấn và thi đấu của VĐV hàng năm, các chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân, huấn luyện viên, VĐV đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ thể thao thành tích cao.

5.4. Sở Tài chính.

Phối hợp với các sở: Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Ngân sách sự nghiệp, đầu tư xây dựng cơ bản TDTT; các chế độ, chính sách cho huấn luyện viên, VĐV; hướng dẫn viên và đội ngũ giáo viên thể dục ở các cấp, trường học.

5.5. Sở Nội vụ.

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thống nhất nhu cầu đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên các môn thể thao và tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong các giai đoạn.

5.6. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Quy hoạch đất cho các công trình TDTT ở các cấp, đất cho hoạt động TDTT trường học và mối liên hệ trong việc tuyên truyền bảo vệ môi trường sinh thái phục vụ cho cuộc sống đa dạng của con người.

5.7. Sở Xây dựng.

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nghiên cứu thiết kế mẫu các công trình TDTT cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã và xã phường, thị trấn, thôn, làng, bản.

5.8. Sở Khoa học và Công nghệ.

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ TDTT, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực TDTT.

5.9. Sở Y tế.

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ, thể chất, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh và đất nước, đặc biệt là công tác chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng cho VĐV, đào tạo y, bác sỹ thể thao và “Chương trình nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam bằng giải pháp dinh dưỡng và tập luyện TDTT” khi được Chính phủ phê duyệt.

5.10. Các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương, Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền kịp thời các hoạt động TDTT của tỉnh. Phối kết hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, tổ chức một số giải TDTT.

5.11. Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các ban, ngành, tổ chức đoàn thể của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp TDTT nói chung, chú trọng các nhiệm vụ thể thao thành tích cao của tỉnh.

5.12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch trên địa bàn; quy hoạch đất cho hoạt động TDTT; huy động các nguồn lực đầu tư về cơ sở vật chất, các công trình TDTT, trang thiết bị TDTT, đẩy mạnh phong trào tập luyện TDTT trong nhân dân và tổ chức thực hiện các thiết chế TDTT, chế độ chính sách liên quan đến phát triển sự nghiệp TDTT trên địa bàn địa phương quản lý.

Điều 2. Giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng và UBND các huyện, thị xã tổ chức quản lý, thực hiện nội dung “Quy hoạch phát triển sự nghiệp Thể dục thể thao tỉnh Lai Châu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ VH,TT&DL;
- Tổng cục Thể dục thể thao;
- Vụ Thể dục thể thao quần chúng;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Phùng

BẢNG BIỂU

Quy hoạch phát triển sự nghiệp Thể dục thể thao đến năm 2020 định hướng đến năm 2030
 (Kèm theo Quyết định số: 1062/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Lai Châu)

**BIỂU BẢNG 1: KHAI THÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC MÔN THỂ THAO DÂN TỘC,
 TRÒ CHƠI DÂN GIẠN Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

TT	Tên đơn vị	Các môn thể thao dân tộc		Các trò chơi dân gian	
		Thực trạng	Dự kiến phát triển	Thực trạng	Dự kiến phát triển
•	<u>Thị xã Lai Châu</u>	Bắn nỏ, đẩy gậy, kéo co, tù lu, tung còn	Đẩy gậy, kéo co, tù lu	Tó má lẹ, pao pao, tung còn, đi cà kheo	Tó má lẹ, pao pao, đi cà kheo
•	<u>Huyện Mường Tè</u>	Tù lu, tung còn, đẩy gậy, bắn nỏ, kéo co	Đua thuyền	Tó má lẹ	Tó má lẹ
•	<u>Huyện Phong Thổ</u>	Đẩy gậy, bắn nỏ, tung còn, tù lu, kéo co	Đẩy gậy, tung còn	Tó má lẹ	Tó má lẹ
•	<u>Huyện Sin Hồ</u>	Đẩy gậy, kéo co, tung còn, bắn nỏ, tù lu	Tù lu, bắn nỏ, đẩy gậy	Nhảy bao bố, tó má lẹ	Tó má lẹ
•	<u>Huyện Than Uyên</u>	Bắn nỏ, tù lu, đẩy gậy, kéo co.	Bắn nỏ, tù lu, đẩy gậy, kéo co	Tó má lẹ, đi cà kheo	Tó má lẹ, đi cà kheo
•	<u>Huyện Tân Uyên</u>	Đẩy gậy, kéo co, tung còn, bắn nỏ, tù lu	Đẩy gậy, tù lu, bắn nỏ	Tó má lẹ, nhảy bao bố, đi cà kheo	Tó má lẹ, đi cà kheo
•	<u>Huyện Tam Đường</u>	Đẩy gậy, bắn nỏ, tù lu, đua ngựa, tung còn, kéo co	Đẩy gậy, đua ngựa	Bắn cung đá, đi cà kheo, đi cầu thăng bằng, nhảy bao bố	Bắn cung đá
•	<u>Huyện Nậm Nhùn</u>	Tù lu, tung còn, đẩy gậy, bắn nỏ, kéo co	Đua thuyền	Tó má lẹ	Tó má lẹ

**BIỂU BẢNG 2: QUY HOẠCH THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG HỌC
ĐẾN NĂM 2030**



TT	Loại trường	Năm	2015	2020	2025	2030	Ghi chú
1	Tiểu học:						
	Tỷ lệ % số trường có giáo viên chuyên trách TĐTT		100	100	100	100	
	Tỷ lệ % số trường đạt tiêu chuẩn giáo dục thể chất nội khoá		100	100	100	100	
	Tỷ lệ % học sinh tham gia tập luyện ngoại khoá		48	52	70	90	
2	Trung học cơ sở						
	Tỷ lệ % số trường có giáo viên chuyên trách TĐTT		100	100	100	100	
	Tỷ lệ % số trường đạt tiêu chuẩn giáo dục thể chất nội khoá		100	100	100	100	
	Tỷ lệ học sinh tham gia tập luyện ngoại khoá		70	80	90	100	
3	Trung học phổ thông						
	Tỷ lệ % số trường có giáo viên chuyên trách TĐTT		100	100	100	100	
	Tỷ lệ % số trường đạt tiêu chuẩn giáo dục thể chất nội khoá		100	100	100	100	
	Tỷ lệ học sinh tham gia tập luyện ngoại khoá		100	100	100	100	
4	Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp						
	Tỷ lệ % số trường có giáo viên chuyên trách TĐTT		100	100	100	100	
	Tỷ lệ % số trường đạt tiêu chuẩn giáo dục thể chất nội khoá		100	100	100	100	
	Tỷ lệ học sinh tham gia tập luyện ngoại khoá						

**BIỂU BẢNG 3: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC MÔN THỂ DỤC
THỂ THAO CHO MỌI NGƯỜI ĐẾN NĂM 2030**

TT	Môn thể thao	Năm			
		2015	2020	2025	2030
•	Cầu lông	x	x	x	X
•	Bóng đá	x	x	x	x
•	Bóng chuyền	x	x	x	x
•	Bóng bàn	x	x	x	x
•	Quần vợt	x	x	x	x
•	Cờ vua	x	x	x	x
•	Cờ tướng	x	x	x	x
•	Đẩy gậy	x	x	x	x
•	Kéo co	x	x	x	x
•	Bắn nỏ	x	x	x	x
•	Tung còn	x	x	x	x
•	Tù lu	x	x	x	x
•	Bóng rổ	x	x	x	x
•	Vật	x	x	x	x
•	Boxing	x	x	x	x
•	Taekwondo		x	x	x
•	Đá cầu	x	x	x	x
•	Cầu mây		x	x	x
•	Võ cổ truyền	x	x	x	x
•	Đua ngựa	x	x	x	x
•	Pecaksilat		x	x	x
•	Bơi		x	x	x
	Tổng	18	22	22	22

**BIỂU BẢNG 4: QUY HOẠCH CÁC MÔN THỂ THAO CHO MỌI NGƯỜI
TRÊN ĐỊA BÀN TOÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030**



TT	Các đơn vị	Số môn	Tên môn
•	<u>Thị xã Lai Châu</u>	20	Điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cờ vua, cờ tướng, đẩy gậy, bắn nỏ, kéo co, vật, Taekwondo, boxing, võ cổ truyền, quần vợt, bơi, tù lu, tung còn, đá cầu
•	<u>Huyện Mường Tè</u>	13	Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cờ tướng, cờ vua, đẩy gậy, bắn nỏ, kéo co, quần vợt, tù lu, bóng rổ, tung còn
•	<u>Huyện Phong Thổ</u>	15	Điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, cờ vua, đẩy gậy, bắn nỏ, kéo co, quần vợt, tù lu, bóng rổ, bóng bàn, đá cầu, tung còn
•	<u>Huyện Sin Hồ</u>	13	Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cờ vua, cờ tướng, đẩy gậy, bắn nỏ, tù lu, kéo co, đá cầu, bóng rổ, tung còn
•	<u>Huyện Than Uyên</u>	17	Điền kinh, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cờ vua, cờ tướng, đẩy gậy, bắn nỏ, tù lu, kéo co, đá cầu, vật, Taekwondo, võ cổ truyền, boxing, quần vợt, tung còn
•	<u>Huyện Tân Uyên</u>	16	Điền kinh, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cờ vua, cờ tướng, đẩy gậy, bắn nỏ, tù lu, kéo co, đá cầu, Taekwondo, quần vợt, võ cổ truyền, boxing, tung còn
•	<u>Huyện Tam Đường</u>	18	Điền kinh, bóng chuyền, bóng bàn, bóng đá, cầu lông, cờ vua, cờ tướng, đẩy gậy, bắn nỏ, tù lu, kéo co, đá cầu, Taekwondo, quần vợt, võ cổ truyền, boxing, đua ngựa, tung còn
•	<u>Huyện Nậm Nhùn</u>	12	Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng, đẩy gậy, kéo co, tù lu, tung còn, bắn nỏ, bơi

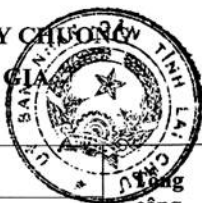
**BIỂU BẢNG 5: PHÁT TRIỂN CÁC MÔN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO
ĐẾN NĂM 2030**

TT	Môn	Năm				Ghi chú
		2015	2020	2025	2030	
1	Điền kinh	x	x	x	x	
2	Cầu lông	x	x	x	x	
3	Tekôndô		x	x	x	
4	Bóng đá		x	x	x	
5	Bóng chuyền		x	x	x	
6	Bắn nỏ	x	x	x	x	
7	Đẩy gậy	x	x	x	x	
8	Võ cổ truyền		x	x	x	
9	Vật		x	x	x	
10	Boxing		X	x	x	
11	Pencaksilat		x	x	x	
12	Bóng bàn		x	x	x	
13	Quần vợt		x	x	x	
14	Cầu mây		x	x	x	
Tổng số:						

**BIỂU BẢNG 6: ĐỊNH HƯỚNG SỐ LƯỢNG VẬN ĐỘNG VIÊN CÁC
TUYỂN ĐẾN NĂM 2030**

Năm	Nghiệp dư	Tập trung	Tuyển tỉnh	Đội tuyển QG
2015	300- 400	40- 60	120- 140	0
2020	500- 700	55- 60	150- 170	02
2025	800- 1.000	75- 100	175- 190	04
2030	1.100- 1.500	90- 120	190- 220	08

**BIỂU BẢNG 7. CHỈ TIÊU HUY CHƯƠNG
TẠI CÁC GIẢI QUỐC GIA**



ND Năm	HC Giải quốc gia									Đang cấp VĐV		
	ĐH TDTT TQ			Giải VĐ			Giải trẻ			C.I	KT	
HC	V	B	Đ	V	B	Đ	V	B	Đ			
2013												
2014					2	4				6		
2015					2	5	1	2	4	14		
2016				1	2	5	1	2	4	15	1	
2017				2	3	5	1	3	4	18	2	
2018			2	2	3	6	2	3	4	22	2	1
2019				2	3	6	2	3	5	21	3	1
2020				3	4	6	3	4	5	25	3	2
2025		2	2	4	4	7	4	5	5	33	4	2
2030	1	2	3	5	5	8	5	5	5	39	5	3

BIỂU BẢNG 9: QUY HOẠCH ĐÀO TẠO HUẤN LUYỆN VIÊN TDTT

TT	MÔN THỂ THAO	Số lượng				Trình độ chuyên môn								Trình độ chính trị								
		2013	2016	2021	2026	2013-2015		2016-2020		2021-2025		2026-2030		2013-2015		2016-2020		2021-2025		2026-2030		
		-	-	-	-	Th.s	Ts	Th.s	Ts	Th.s	Ts	Th.s	Ts	CC	TC	CC	TC	CC	TC	CC	TC	
•	Diễn kinh	02	02	02	02			01	01	01						01				01		
•	Cầu lông	01	02	02	02					01		01			01						01	01
•	Bóng đá	01	01	02	02																	
•	Bóng chuyền	01	01	02	02																	
•	Vật	01	01	01	01																	
•	Taekwondo		01	01	01																	
•	Pencatsilat		01	01	01																	
•	Bóng bàn		01	01	01																	
•	Cờ vua		01	01	01																	
•	Bắn nỏ		01	01	01																	
•	Đẩy gậy	01	02	02	02																	
•	Võ cổ truyền		01	01	02																	
•	Quần vợt	01	01	01	02																	
•	Cầu mây		01	01	01																	
	Tổng	09	20	22	24			01	02	02				01	01			01	01	01	01	01

**BIỂU BẢNG 10: NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
ĐẾN NĂM 2030**

TT	Đơn vị	Đơn vị tính	Đất dành cho hoạt động TDTT			Đất dành cho xây dựng công trình TDTT
			Đến 2015	2016-2020	2021-2030	
I	Cấp tỉnh					
1	Khu trung tâm thể thao tỉnh	ha				8,74
2	Sân vận động tỉnh	ha				4.0
II	Cấp huyện					Tổng 52 ha, trong đó dành: 6-6,5 ha/huyện xây: - Sân vận động - Nhà tập luyện thi đấu - Các công trình thể thao khác
III	Cấp xã	ha	2m ² / người: 79,8	2,5m ² / người: 100	3m ² / người: 120	Tổng 120 ha, trong đó dành: 1-1,5 ha/xã xây: - Nhà tập luyện - Sân bóng đá - Sân thể thao đơn giản ở từng thôn.

BIỂU BẢNG 11: DANH MỤC DỰ ÁN CHỦ YẾU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT GIAI ĐOẠN 2013-2015



TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH	Tổng mức đầu tư
I	Cấp huyện			
1	Sân vận động - Cải tạo, nâng cấp 3 sân của huyện. - Xây mới 1 sân huyện Phong Thổ	- Than Uyên, Mường Tè, Tam Đường - Phong Thổ		- 600-900 triệu - 25 tỷ
2	Nhà tập luyện: - Cải tạo, nâng cấp 5 nhà - Xây mới 1 nhà huyện Nậm Nhùn	- Thị xã Lai Châu, Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên, Phong Thổ - Huyện Nậm Nhùn		500 – 1 tỷ - 10 tỷ
II	Cấp xã			
	Trung tâm Văn hoá- Thể thao: - 1 sân tập thể thao và vui chơi giải trí; - 1 Nhà tập đơn giản	Trung tâm xã, phường, thị trấn	- 90 x 60m • 200m ²	
III	Các cấp Trường học			
	- Cấp tiểu học: đạt 15% = 21 trường; - Cấp THCS: đạt 15-20% = 18-24 trường - THPT: đạt 40% = 7 trường	- Sân tập thể thao và khu vui chơi giải trí. - Khu GDTC gồm: nhà tập đa năng, hồ nhảy cao, nhảy xa, đường chạy...	100-200m ²	

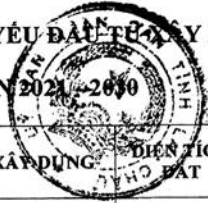
BIỂU BẢNG 12: DANH MỤC DỰ ÁN CHỦ YẾU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CƠ SỞ VẬT CHẤT GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH ĐẤT	Tổng mức đầu tư
I	Cấp tỉnh			
1	Trung tâm thể thao tỉnh - Nhà thi đấu đa năng - Xây dựng sân tập bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền. - Xây dựng bể bơi trong nhà	Thị xã Lai Châu	8,74ha	120 tỷ 20 tỷ 30 tỷ
3	Xây dựng trường Năng khiếu TDTT tỉnh	Thị xã Lai Châu		30 tỷ
II	Cấp huyện			
1	Sân vận động - Xây mới 2 sân huyện	- Sìn Hồ, thị xã Lai Châu		50 tỷ
	Nhà tập luyện: - Xây mới 2 nhà	Mường Tè, Sìn Hồ.		20 tỷ
	Bể bơi: - Xây 1 bể bơi	Thị xã Lai Châu		
III	Cấp xã, phường, thị trấn			
	Trung tâm Văn hoá- Thể thao: - 1 sân tập thể thao và vui chơi giải trí; - 1 Nhà tập đơn giản	Trung tâm các xã, phường, thị trấn		
IV	Các cấp Trường học			
	- Cấp tiểu học: đạt 15-30% = 21-42 trường; - Cấp THCS: đạt 20-30% = 24-38 trường - THPT: đạt 50-60% = 9-11 trường	- Sân tập thể thao và khu vui chơi giải trí. - Khu GDTC gồm: nhà tập đa năng, hồ nhảy cao, nhảy xa, đường chạy...	100-200m2	

BIỂU BẢNG 13: DANH MỤC DỰ ÁN CHỦ YẾU ĐẠT TẦNG CẤP DỰNG

CƠ SỞ VẬT CHẤT GIAI ĐOẠN 2021-2030



TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH THỔ ĐẤT	Tổng mức Đầu tư
I	Cấp tỉnh			
	- Trung tâm thể thao tỉnh, gồm: Nhà rèn luyện và hồi phục sức khỏe; Nhà quản lý, nhà ăn, ký túc xá; Khu thể thao ngoài trời; Các hạng mục phụ trợ kh	Thị xã Lai Châu		20 tỷ
	- Sân vận động tỉnh	Thị xã Lai Châu	4.0	200 tỷ
	- Xây dựng trường Năng khiếu TDTT tỉnh	Thị xã Lai Châu		20 tỷ
II	Cấp huyện			
	Sân vận động - Xây mới 2 sân huyện	Tân Uyên, Nậm Nhùn.		50 tỷ
	Bể bơi: 1 bể	Tam Đường		30-40 tỷ
III	Cấp xã, phường, thị trấn			
	Trung tâm Văn hoá- Thể thao: - 1 sân tập thể thao và vui chơi giải trí; - 1 Nhà tập đơn giản	Trung tâm các xã		
IV	Các cấp Trường học			
	- Cấp tiểu học: đạt 30-50% = 42-70 trường; - Cấp THCS: đạt 30-45% = 38-53 trường - THPT: đạt 60-80% = 11-15 trường	- Sân tập thể thao và khu vui chơi giải trí. - Khu GDTC gồm: nhà tập đa năng, hồ nhảy cao, nhảy xa, đường chày...	100-200m2	

**BIỂU BẢNG 14. DỰ KIẾN KINH PHÍ THẺ DỤC THỂ THAO
GIAI ĐOẠN 2013 -2030**

TT	Nội dung	Ngân sách sự nghiệp TĐTT/ tổng chi ngân sách các cấp	Ghi chú
1.	Giai đoạn 2013 – 2015		
a.	Cấp tỉnh:	0,17-0,2%/	
b.	Cấp huyện:	2,7-4,0 lần	
c.	Cấp xã, phường:	Đảm bảo mỗi xã có 10-15 triệu	
2.	Giai đoạn 2016- 2020		
a.	Cấp tỉnh:	0,3-0,4%/	
b.	Cấp huyện:	3,3-5,3 lần	
c.	Cấp xã, phường:	Đảm bảo mỗi xã có 10-15 triệu	
3.	Giai đoạn 2021 – 2030		
a.	Cấp tỉnh:	0,5-0,65%	
b.	Cấp huyện:	4,7-6,7 lần	
c.	Cấp xã, phường:	Đảm bảo mỗi xã có 10-15 triệu	
	Tổng số		